

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2019/DS-ST

Ngày: 19 / 11 / 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;

2. Ông Lê Đức Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 366/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 505/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 454/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng Huỳnh Thị N chứng nhận ngày 13 tháng 9 năm 2019); có mặt.

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Thu T; sinh năm 1971; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Lê Thành T (Lê Văn M); sinh năm 1971; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, ông Lê Văn P có bán vật tư nông nghiệp cho ông Lê Thành T, bà Nguyễn Thị Thu T nhiều lần. Đến ngày 26/3/2016 âm lịch, ông T và bà T xác nhận có nợ ông P số tiền mua vật tư nông nghiệp 40.000.000 đồng. Ông T, bà T có trả dần cho ông P đến tháng 12/2017 và còn nợ lại số tiền 19.916.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy, ông P yêu cầu ông T, bà T phải trả số nợ 19.916.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: biên nhận nợ ngày 26/3/2016 âm lịch, có chữ ký đề họ tên người nhận nợ Lê Thành T, Nguyễn Thị Thu T.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày, bà T có mua vật tư nông nghiệp của ông P từ năm 2014 với hình thức thanh toán trả tiền cuối vụ. Do thất mùa liên tục nên vợ chồng bà T không có khả năng thanh toán cho ông P, còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp 19.916.000 đồng. Hiện nay, ông T đang bị bệnh, không có khả năng thanh toán 01 lần số nợ nên yêu cầu được trả dần mỗi mùa vụ 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- Bị đơn ông Lê Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn bà T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà T, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông P có bán vật tư nông nghiệp cho ông T, bà T nhiều lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ ngày 26/3/2016. Sau đó, bà T, ông T trả dần đến tháng 12/2017 còn nợ lại 19.916.000 đồng. Cho nên, ông P yêu cầu bà T, ông T trả số nợ còn lại 19.916.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu trả nợ của ông P phù hợp với biên nhận nợ ngày 26/3/2016. Đồng thời, bà T thừa nhận còn nợ lại ông P số tiền 19.916.000 đồng và yêu cầu được trả dần mỗi mùa vụ 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Do đó,

việc ông P khởi kiện yêu cầu ông T, bà T trả số tiền 19.916.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả dần mỗi mùa 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ của bà T, do ông P không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P; buộc bà T, ông T có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 19.916.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Lê Văn P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T, ông Lê Thành T trả nợ mua tài sản. Bà T, ông T đang cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới nên yêu cầu kiện của ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Thành T, bà Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán tài sản:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn bà T thống nhất khai, bà T, ông T có mua vật tư nông nghiệp của ông P. Việc xác lập hợp đồng mua bán giữa ông P với bà T, ông T phù hợp với quy định tại các Điều 430, 433 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý.

Về việc thực hiện hợp đồng, ông P, bà T thống nhất khai, trong quá trình mua bán, bà T, ông T còn nợ ông P tiền mua vật tư nông nghiệp 40.000.000 đồng. Sau đó, ông T, bà T có trả dần cho ông P. Tính đến tháng 12/2017, ông T, bà T còn nợ lại số tiền 19.916.000 đồng.

Lời khai của ông P, bà T phù hợp với biên nhận nợ ngày 26/3/2016 âm lịch. Cho nên, có căn cứ xác định ông T, bà T còn nợ ông P số tiền 19.916.000 đồng.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông P khởi kiện yêu cầu ông P, bà T trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P; buộc ông T, bà T trả cho ông P số nợ mua vật tư nông nghiệp 19.916.000 đồng.

Do ông P không yêu cầu trả lãi chậm thanh toán, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về phương thức thanh toán:

Bà T yêu cầu được trả dần mỗi mùa vụ 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, yêu cầu được trả dần của bà T không được phía nguyên đơn chấp nhận nên phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông P được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông P tiền tạm ứng án phí đã nộp 497.000 đồng.

Bà T, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán với số tiền 995.800 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 433, 440 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P.

Buộc ông Lê Thành T, bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn P số nợ mua bán 19.916.000 (mười chín triệu, chín trăm mười sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Lê Thành T, bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 995.800 (chín trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm) đồng.

Ông Lê Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ông Lê Văn P số tiền tạm ứng án phí 497.000 (bốn trăm chín mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013477 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Văn P có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Thành T, bà Nguyễn Thị Thu T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình